

CHIẾN LƯỢC ĐỐI TÁC NHÀ TRƯỜNG - CÔNG NGHIỆP ĐỂ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CHO SINH VIÊN TVET ĐÁP ỨNG NHU CẦU THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG.

MAI VĂN TỈNH *

Email: mvtinh@gmail.com

Tóm tắt:

Trong khi liên kết đại học-công nghiệp (UIL) được nghiên cứu nhiều ở Anh, Nhật và Thái Lan, mô hình tay ba (Triple helix) giữa nhà trường-doanh nghiệp-chính quyền địa phương phát triển không chỉ cho đại học, mà cả cơ sở dạy nghề truyền thống ở Bắc Mỹ và Bắc Âu, thì quan hệ đối tác giữa nhà trường-công nghiệp (SI- School/Industry) trong đào tạo kỹ thuật-dạy nghề (TVET) ở các quốc gia đang phát triển chưa được nghiên cứu nhiều, đặc biệt ở Việt Nam, rất tiếc các mô hình nói trên chưa được nghiên cứu kể cả trong giáo dục hàn lâm lẫn giáo dục nghề nghiệp. Bài viết sẽ giới thiệu nghiên cứu chiến lược đối tác SI trong TVET ở Nigeria để phát triển kỹ năng sinh viên TVET đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, công bố tháng 6 năm 2018 (1). Có 157 giảng viên các trường TVET công lập và nhà quản lý nhân lực từ 56 ngành công nghiệp tham gia khảo sát. Kết quả phát hiện: đưa sinh viên tham quan công nghiệp, mời cán bộ công nghiệp giảng bài, thu hẹp khoảng cách lý thuyết/thực tiễn, cải tiến đối tác SI bằng hợp đồng định kỳ đổi mới công nghệ là những chiến lược cải tiến đối tác SI để phát triển kỹ năng sinh viên TVET. Từ phát hiện này, đã khuyến nghị: công nghiệp cần hiểu nhà trường và hướng vào phát triển kỹ năng chất lượng; còn nhà trường cần giao tiếp tốt với công nghiệp.

Từ khóa:

Giới thiệu: Tình trạng thất nghiệp trong thanh thiếu niên ở các quốc gia đang phát triển tiếp tục tăng do thiếu kỹ năng kiếm việc làm, hệ thống trường hướng vào cầu và dựa trên năng lực. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học không có kỹ năng cơ bản, phù hợp để kiếm việc làm hoặc tự khởi nghiệp. Điều này tạo ra khoảng cách giữa kỹ năng cần cho việc làm và kỹ năng mà người tìm việc sở hữu. Cần phải lập cầu nối thu hẹp khoảng cách này bằng đối tác SI để phát triển kỹ năng. Sự đổi mới

nhanh nhu cầu công nghệ đòi hỏi sinh viên tiếp cận công nghiệp để có kỹ năng, kinh nghiệm phù hợp nhu cầu hiện đại của công nghiệp và ngành nghề liên quan sau tốt nghiệp. Công nghiệp đang trải qua thay đổi đột phá do tiến bộ công nghệ liên tục diễn ra và áp lực thời gian phải có kết quả ngay (2). Một trong những trở ngại chính cho giải quyết sự không phù hợp này để khép lại khoảng cách kỹ năng là nhu cầu xã hội và kỹ năng của công nhân liên tục trôi theo nhu cầu thị trường lao động và lựa chọn nghề nghiệp cá nhân luôn thay đổi.

* Mai Văn Tỉnh - Phó trưởng Ban nghiên cứu & phân tích chính sách, Hiệp hội các trường đại học & cao đẳng Việt Nam

Vậy kỹ năng là gì? Theo Mbah và Umurhurhu (3) kỹ năng là khả năng thực hiện chuyển động có mục đích cần để hoàn thành hoặc làm chủ nhiệm vụ cụ thể. Kỹ năng là sự khéo tay thực hiện nhiệm vụ với kết quả xác định trong khoảng thời gian, năng lượng hoặc trong cả hai. Nhu cầu kỹ năng được phân loại thành các kỹ năng tâm lý cơ bản, thao tác, kỹ thuật, thích ứng, mang tính khái niệm và chuyển giao. Olabiyi, Aiyelabowo và Keshinro (4) cho rằng phát triển kỹ năng là chuỗi chuyển động đã học và được kết hợp để tạo ra hành động trơn tru, hiệu quả cho làm chủ nhiệm vụ cụ thể. Bất kỳ chương trình nào muốn trang bị cho người học kỹ năng đều cần phải xác định khoảng trống trong phát triển và tôn vinh các kỹ năng này. Sự phát triển kỹ năng ở Nigeria hiện chưa nhấn mạnh nhiều vào đào tạo lực lượng lao động có kỹ năng cần thiết, nâng cao liên tục, kiến thức và chuyên môn ở trình độ quốc tế để tiếp cận việc làm phong phú và đảm bảo tính cạnh tranh trong thị trường năng động toàn cầu.

Việc phát triển kỹ năng hiệu quả trong TVET để đáp ứng nhu cầu thị trường đòi hỏi sinh viên phải nắm vững nhiệm vụ học tập trong dạy học. Các kỹ năng dạy học trong TVET nhằm mục đích trang bị cho người học kỹ năng thực tế và hấp dẫn để khởi nghiệp bền vững hoặc tìm việc làm có lương. Trong khi công nghệ đề cập các ý tưởng nguyên lý khoa học và ứng dụng, thì kỹ thuật là thuộc tính của khoa học ứng dụng và công nghiệp (5). Giáo dục là tích lũy kiến thức có hệ thống và điều chỉnh hành vi thông qua việc học diễn ra trong quá trình dạy học (6). Theo Onoh (7) đào tạo là hành động dạy kỹ năng hoặc hành vi cụ thể thông qua thực hành bền vững và hướng dẫn để làm một công việc. Okoye và Okwelle (8) cho rằng TVET được công nhận là hệ thống giáo dục đa dạng rộng lớn, đóng góp đáng kể cho tăng trưởng kinh tế quốc gia bằng

cách sản xuất nhân lực phù hợp nhu cầu công nghiệp, xã hội và thay đổi môi trường làm việc công nghệ. TVET được coi là hệ thống giáo dục hướng đến phát triển kiến thức, kỹ năng và thái độ để thực hiện nhiệm vụ cụ thể trong môi trường làm việc. Loại hình giáo dục này dành cho những ai cần đến nó, cho ai muốn có nó và cho người nào muốn tiến bộ nhờ nó.

TVET trong giáo dục bậc ba (giáo dục đại học theo nghĩa rộng) giúp sinh viên phát triển kỹ năng có thể đem bán cho dịch vụ, sản xuất. Các chương trình TVET trong giáo dục bậc ba gồm: giáo dục nông nghiệp, công nghệ công nghiệp, kinh doanh, kinh tế gia đình, mỹ thuật, nghệ thuật ứng dụng và máy tính. TVET được dạy tại hầu hết cơ sở giáo dục bậc ba ở tiểu bang Anambra. Mục tiêu các trường đại học, cao đẳng TVET là đào tạo nhân lực cao có kỹ năng tạo việc làm và đào tạo ra người tạo việc làm để giàu có. Do thách thức mà loại trường này đang đối mặt, chất lượng phát triển kỹ năng chưa đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Mbah và Eboiuke (9) quan sát rằng việc thúc đẩy đối tác nhà trường với công nghiệp (giới chủ lao động) là chiến lược hiệu quả để đạt được phát triển kỹ năng chất lượng.

Đối tác SI là hợp tác giáo dục chính quy với công nghiệp nhằm tạo môi trường hỗ trợ sinh viên tích lũy trải nghiệm công việc, kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp việc làm. Rossi (10) nhấn mạnh rằng công nghiệp thông qua hợp tác với nhà trường sẽ đóng góp có ý nghĩa cho đào tạo sinh viên kỹ năng thích hợp và hiện đại liên quan sở thích của họ. Điều này đặc biệt quan trọng để phát triển khả năng cần cho điều chỉnh nghề nghiệp. Ở Anambra các ngành công nghiệp thường có đại lý chuyên về nhân lực tay nghề cao cho sản xuất, phương tiện hoạt động công nghệ tiên tiến và nguyên liệu thô hữu ích cho phát triển kỹ năng tìm việc làm. Sinh viên TVET cần môi trường đào tạo là bản sao môi trường làm việc để phát triển kỹ

năng. Vì vậy, mệnh lệnh đối với công nghiệp là tích cực tham gia hoạt động TVET để bổ sung kinh nghiệm trên lớp nhằm giúp thầy-trò làm quen với kỹ năng dạy và làm việc thực tiễn của công nghiệp sau khi tốt nghiệp. Giảng viên và nhà quản lý TVET cần cải tiến đối tác với công nghiệp để đạt mục tiêu đào tạo. Điều này thích hợp với TVET như Okorie (11) nhận xét “khi công nghiệp tham gia đào tạo sinh viên, các thiếu sót tồn tại trong đào tạo sẽ giảm đi, nếu chưa được loại bỏ hẳn”. Sự hợp tác này được thực hiện bằng cách sinh viên tham quan công nghiệp, công nghiệp trợ giảng nhà trường; công nghiệp tích cực tham gia quá trình này sẽ cung cấp trang thiết bị và nguồn nhân lực để phát triển kỹ năng. Việc xác định chiến lược của công nghiệp và nhà trường để cải tiến đối tác sẽ nâng cao chất lượng phát triển kỹ năng, đồng thời thu hẹp khoảng cách nhu cầu kỹ năng. Đối tác hiệu quả SI trong TVET sẽ đảm bảo phát triển kỹ năng chất lượng và giá cả hợp lý trên cơ sở tích lũy kỹ năng sâu, năng lực tự tạo việc làm bền vững. Nền tảng cho việc này là xác định chiến lược cải tiến đối tác SI phát triển kỹ năng sinh viên TVET đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Vấn đề tồn tại: Chương trình TVET hiệu quả cần đối tác thuận lợi với công nghiệp nơi sinh viên đến làm việc sau tốt nghiệp. Phát triển kỹ năng là công cụ quan trọng để tác nghiệp và phát triển bền vững. Các nhà nghiên cứu rất lo ngại về chất lượng kỹ năng sinh viên không đáp ứng chuẩn nhu cầu công nghiệp. Sự không phù hợp này góp phần làm tăng tình trạng thất nghiệp, nghèo đói và tăng trưởng kinh tế thấp ở các quốc gia. Nhờ đối tác SI, sinh viên có cơ hội được đào tạo với thiết bị, vật liệu và môi trường thích hợp. Điều này giảm bớt hoặc thậm chí loại bỏ khoảng cách giữa học chay trên lớp với nhu cầu kỹ năng công nghiệp. Do đó, việc xác định chiến lược cải tiến đối tác SI phát triển kỹ năng sinh viên

TVET là cần thiết nhằm thỏa mãn cầu kỹ năng trong xã hội.

Mục đích chính của nghiên cứu là xác định chiến lược cải thiện đối tác SI để phát triển kỹ năng sinh viên TVET nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội ở Anambra. Cụ thể là cần xác định: 1/ Chiến lược công nghiệp cải thiện đối tác SI phát triển kỹ năng sinh viên TVET; 2/ Chiến lược nhà trường cải thiện đối tác SI phát triển kỹ năng sinh viên TVET nhằm đáp ứng cầu kỹ năng phù hợp.

Các giả thuyết chưa mang tính pháp lý được thử nghiệm ở mức 0,05 ý nghĩa: 1) Không có khác biệt đáng kể giữa xếp hạng trung bình của giảng viên và nhân sự công nghiệp về chiến lược công nghiệp để cải thiện đối tác SI phát triển kỹ năng sinh viên TVET đáp ứng cầu kỹ năng ở Anambra; 2) Không có khác biệt đáng kể giữa xếp hạng trung bình của giảng viên và nhân sự công nghiệp về chiến lược nhà trường để cải thiện đối tác SI phát triển kỹ năng sinh viên TVET’;

Phương pháp thiết kế nghiên cứu khảo sát: Theo Alio (12) và Nworgu (13) thiết kế nghiên cứu khảo sát là phương pháp mà một nhóm người hoặc hạng mục được nghiên cứu bằng cách thu thập, phân tích dữ liệu chỉ từ một vài người hoặc hạng mục đại diện. Thiết kế này là cần thiết vì sự phân bố rộng số người trả lời và công cụ cấu trúc đa chiều được dùng để thu thập dữ liệu. Địa điểm nghiên cứu là tiểu bang Anambra ở Đông Nam Nigeria. Số người tham gia là 157 giảng viên từ các trường công lập TVET và nhà quản lý nhân lực ở 56 ngành công nghiệp (101 người từ nhà trường và 56 người từ công nghiệp). Con số này có tính quản lý nên không cần mẫu. Bảng hỏi cấu trúc chứa 18 mục làm công cụ thu thập dữ liệu được nhóm thành hai phần. Phần A là dữ liệu cá nhân người trả lời và phần B chứa 16 mục được nhóm thành hai loại theo câu hỏi nghiên

NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

cứu. Các mục được cấu trúc theo thang bốn điểm, 1) Rất đồng ý; 2) Đồng ý; 3) Không đồng ý; và 4) Rất không đồng ý với các giá trị số 4, 3, 2 và 1 tương ứng. Công cụ này được ba chuyên gia xác nhận và độ tin cậy của nó được khẳng định bằng phương pháp hệ số tin cậy Cronbach Alpha đưa lại số 76. Kết quả phù hợp với lưu ý của Uzoagulu (14) rằng hệ số tin cậy trên 0,6 là công cụ đáng tin cậy. Trong 157 phiếu hỏi phát ra, chỉ có 139 phiếu trả lời với tỷ lệ thu hồi 88,54%. Dữ liệu thu thập được phân tích bằng độ lệch chuẩn trung bình; t-test được dùng để kiểm tra giả thuyết chưa có tính pháp lý ở mức 0,05 ý nghĩa. Quyết định được thực hiện bằng cách dùng giới hạn thực của giá trị thang tỷ lệ từ 1 đến 4 trên thang bốn điểm như sau:

Rất đồng ý -----	3.50 - 4.00
Đồng ý -----	2,50 - 3,49
Không đồng ý-----	1,50 - 2,49
Rất không đồng ý -----	1,00 - 1,49

Độ lệch chuẩn dùng để xác định tính đồng nhất hoặc ý kiến khác của người trả lời. Số liệu thống kê t-test, kết quả t-test được so sánh với giá trị 0,05 mức tự do thích hợp. Giả thuyết chưa có tính pháp lý bị từ chối nếu giá trị ý nghĩa thấp hơn 0,05 mức độ tự do thích hợp.

Kết quả nghiên cứu: trình bày theo các câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu sau:

Câu hỏi nghiên cứu 1: *Cái gì là chiến lược công nghiệp để nâng cao đối tác SI cho phát triển kỹ năng sinh viên TVET nhằm đáp ứng nhu cầu kỹ năng ở Anambra?*

Bảng 1: *Xếp loại trung bình và độ lệch chuẩn (SD) chiến lược công nghiệp cải thiện đối tác S-I phát triển kỹ năng sinh viên TVET nhằm đáp ứng nhu cầu kỹ năng*

S/N	Chiến lược nhà trường nâng cao đối tác SI phát triển kỹ năng SV TVET	Giảng viên		Nhân sự công nghiệp		Tổng số		Quyết định
		N = 91		N=48				
		\bar{x}_1	SD_1	\bar{x}_2	SD_2	\bar{x}_G	SD_G	
1	Chuẩn bị chương trình đào tạo kỹ năng .phù hợp lịch biểu đào tạo nhà trường	3.17	0.79	3.28	0.98	3.23	0.89	Agree
2	Tài trợ tham quan công nghiệp cho các trường .khác nhau để khám phá thích hợp thực tiễn	3.42	0.67	3.44	0.82	3.43	0.75	Agree
3	Nhân sự CN tham gia giảng bài đặc biệt	3.09	0.93	3.09	0.94	3.10	0.94	Agree
4	Lập chương trình tích lũy kỹ năng cho SV	2.94	0.73	3.15	1.01	3.05	0.87	Agree
5	CN tổ chức tọa đàm về vấn đề đương đại .trong hoạt động CN	3.28	0.61	3.40	0.76	3.34	0.69	Agree
6	. CN cấp học bổng cho sinh viên TVET	3.45	1.01	3.44	0.97	3.45	0.99	Agree
7	Trao cơ hội SIWES cho sinh viên TVET	3.47	0.73	3.17	0.84	3.32	0.79	Agree
8	Cấp phép thực tập cho sinh viên TVET	3.37	0.92	3.39	0.87	3.38	0.89	Agree
9	Đối tác với nhà trường về nghiên cứu/phát triển Cụm trung bình/độ lệch tiêu chuẩn	3.54	0.72	3.38	0.99	3.46	0.86	Agree activities.
		3.30	0.79	3.31	0.91	3.31	0.85	Agree

Kết quả phân tích dữ liệu xếp hạng trung bình phạm vi trả lời khoảng từ 3,05 đến 3,46 cho thấy rằng người được hỏi đã đồng ý với các chiến lược công nghiệp cải thiện đối tác SI để phát triển kỹ năng sinh viên TVET đáp ứng nhu cầu kỹ năng ở Anambra. Toàn bộ cụm trung bình 3,31 cho thấy thêm rằng người trả lời đồng ý tất cả các mục. Độ lệch chuẩn thấp thu được từ phân tích dữ liệu chỉ ra rằng người trả lời có ý kiến đồng thuận với các chiến lược.

Giả thuyết 1: Không có khác biệt đáng kể trong xếp hạng trung bình của giảng viên và nhân sự công nghiệp về chiến lược công nghiệp cải thiện đối tác SI cho phát triển kỹ năng sinh viên TVET đáp ứng nhu cầu kỹ năng của địa phương.

Bảng 2: Phân tích t-test xếp hạng trung bình của giảng viên và nhân sự công nghiệp về chiến lược công nghiệp nâng cao đối tác SI cho phát triển kỹ năng sinh viên TVET để đáp ứng nhu cầu kỹ năng ở Anambra

Vị thế	N	X	Độ trung bình khác nhau	Df	T	(Sig (2 tailed	Quyết định
Giảng viên	91	3.30	2.9027	137	0.371	0.4291	Không có Ý nghĩa
Nhân sự công nghiệp	48	3.31					

Kết quả phân tích dữ liệu Bảng 2 cho thấy giá trị t ở mức 0,05 ý nghĩa và 137 bậc tự do cho 9 mục là 0,371 với giá trị ý nghĩa 0,4291. Vì giá trị quan trọng 0,4291 lớn hơn mức 0,05 ý nghĩa, giả thuyết chưa có tính pháp lý là không đáng kể. Hàm ý này là không có khác biệt gì trong đánh giá trung bình của giảng viên và nhân sự công nghiệp về chiến lược công nghiệp cải thiện đối tác SI phát triển kỹ năng sinh viên TVET nhằm đáp ứng nhu cầu kỹ năng ở Anambra. Do đó giả thuyết này được tôn trọng.

Câu hỏi nghiên cứu 2: Cái gì là chiến lược nhà trường nâng cao đối tác SI phát triển kỹ năng sinh viên TVET đáp ứng nhu cầu ở Anambra ?

Bảng 3: Xếp hạng trung bình và độ lệch chuẩn chiến lược nhà trường nâng cao đối tác SI cho phát triển kỹ năng sinh viên TVET đáp ứng nhu cầu kỹ năng ở Anambra.

NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

S/N	Các chiến lược nhà trường cho đối tác với công nghiệp để phát triển kỹ năng sinh viên TVET Gồm	Giảng viên		Nhân sự công nghiệp		Tổng		Quyết định
		N = 91		N-48		X_G	SD_G	
		X_1	SD_1	X_2	SD_2			
10	Tổ chức tọa đàm để thống nhất trường và CN	3.39	0.94	3.36	0.78	3.38	0.86	Agree
11	Cải tiến đối tác SI bằng hợp định kỳ về đổi mới công nghệ	3.42	0.92	3.18	0.71	3.31	0.79	Agree
12	Đảm bảo giao tiếp hiệu quả với công nghiệp	3.31	0.66	3.46	0.66	3.39	0.67	Agree
13	Thu hẹp khoảng cách lý thuyết/thực hành bằng tham quan thực tập công nghiệp	3.25	0.81	3.17	1.06	3.23	0.94	Agree
14	Thu hút đại diện CN vào lập kế hoạch quản lý hoạt động phát triển kỹ năng của nhà trường	3.13	0.78	3.42	0.92	3.28	0.85	Agree
15	Nâng cấp curriculum đáp ứng nhu cầu TTLĐ thông qua sự tham gia của công nghiệp	3.25	0.69	3.31	0.82	3.28	0.74	Agree
16	Khuyến khích sáng kiến liên doanh phát triển SI	3.37	0.75	3.23	0.84	3.30	0.79	Agree
17	Cán bộ CN tham gia nghiên cứu/dạy học	3.22	0.71	2.99	1.02	3.11	0.87	Agree
18	Khuyến khích SV phát triển tác nghiệp qua trải nghiệm công nghiệp	3.55	0.83	3.44	0.93	3.49	0.88	Agree
Độ trung bình/ Lệch chuẩn		3.33	0.79	3.28	0.86	3.31	0.82	Agree

Kết quả ở Bảng 3 mô tả phạm vi xếp hạng trung bình của người trả lời trong khoảng 3,11 đến 3,49 cho thấy các mục được coi là chiến lược nhà trường cải thiện đối tác SI cho phát triển kỹ năng sinh viên TVET đáp ứng nhu cầu kỹ năng ở Anambra. Cụm trung bình tổng thể 3,31 tiếp tục cho thấy người trả lời hoàn toàn đồng ý với chiến lược nhà trường cải thiện đối tác SI phát triển kỹ năng sinh viên TVET. Độ lệch chuẩn thấp cho thấy phản ứng của người trả lời không khác biệt mấy.

Giả thuyết 2: Không có khác biệt đáng kể trong xếp hạng trung bình của giảng viên và nhân sự công nghiệp về chiến lược nhà trường cải thiện đối tác SI cho phát triển kỹ năng sinh viên TVET đáp ứng nhu cầu kỹ năng ở Anambra.

Bảng 4: Phân tích t-test độ trung bình xếp hạng của giảng viên và nhân sự công nghiệp về chiến lược nhà trường nâng cao đối tác SI cho phát triển kỹ năng sinh viên TVET đáp ứng nhu cầu kỹ năng ở Anambra.

Vị thế	N	X	Độ trung bình khác biệt	df	t	(Sig (2 – tailed	Quyết định
Giảng viên	91	3.33	1.3491	137	0.547	0.483	Không có ý nghĩa
Nhân sự công nghiệp	48	3.28					

Bảng 4 cho thấy giá trị t mức 0,05 ý nghĩa và 137 bậc tự do cho 9 mục là 0,547 với giá trị ý nghĩa 0,483. Vì giá trị 0,483 cao hơn 0,05 nên giả thuyết chưa có tính pháp lý là không đáng kể. Điều này nói rằng không có khác biệt đáng kể trong xếp hạng trung bình của giảng viên và nhân sự công nghiệp về chiến lược nhà trường cải thiện đối tác SI phát triển kỹ năng sinh viên TVET.

Thảo luận về kết quả phát hiện: Những phát hiện theo câu hỏi 1 cho thấy chiến lược công nghiệp cải thiện đối tác SI được những người trả lời đồng ý. Các chiến lược này là: chuẩn bị chương trình đào tạo kỹ năng phù hợp lịch học nhà trường, tài trợ sinh viên tham quan công nghiệp để tiếp xúc công việc thực tế, nhân sự công nghiệp tham gia giảng bài, lập chương trình tích lũy kỹ năng cho sinh viên, công nghiệp tổ chức tọa đàm về các vấn đề mới, cấp học bổng sinh viên, hợp tác với nhà trường về hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghiệp. Kết quả phát hiện cho thấy việc triển khai chiến lược công nghiệp phải trải qua chặng đường dài để thúc đẩy hợp tác với nhà trường phát triển kỹ năng chất lượng cho sinh viên. Quan hệ đối tác SI có thể thúc đẩy phát triển nghiên cứu và đổi mới cả nhà trường lẫn công nghiệp. Kết quả này được Okorie (11) ủng hộ, cho rằng khi công nghiệp tham gia đào tạo sinh viên, một số thiếu sót trong đào tạo sẽ giảm bớt. Các phát hiện gợi ý công nghiệp nên tổ chức hội thảo chuyên đề giới thiệu hoạt động công nghiệp hiện đại. Việc trắc nghiệm giả thuyết cho thấy không có khác biệt đáng kể trong xếp hạng trung bình của giảng viên và nhân sự công nghiệp về chiến lược công nghiệp cải thiện quan hệ SI. Ý nghĩa của phát hiện là giảng viên và nhân viên công nghiệp có cùng ý kiến về chiến lược công nghiệp cải tiến phát triển kỹ năng đáp ứng nhu cầu xã hội. Ý kiến trả lời của họ cho thấy sự hợp tác nghiên

cứu/giảng dạy và các hoạt động đổi mới khác có thể đạt được bằng quan hệ đối tác nếu có kế hoạch tốt.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu về câu hỏi 2 cho thấy những người được hỏi đã đồng ý với các chiến lược nhà trường cải tiến phát triển kỹ năng sinh viên TVET để đáp ứng nhu cầu kỹ năng. Các chiến lược nhà trường được xác định dựa trên kết quả phân tích dữ liệu là tổ chức hội thảo để thống nhất nhà trường với công nhân công nghiệp, cải thiện đối tác SI bằng cách hợp định kỳ đổi mới công nghệ, đảm bảo giao tiếp hiệu quả với công nghiệp, thu hẹp khoảng cách lý thuyết/hoạt động thực tế, thu hút đại diện công nghiệp vào quản lý hoạt động nhà trường, khuyến khích dự án liên doanh phát triển SI và nâng cấp chương trình đào tạo để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Phát hiện này cho thấy chiến lược nhà trường được xác định sẽ thúc đẩy phát triển kỹ năng sinh viên, thu hút công nghiệp vào giảng dạy, nghiên cứu và hội thảo phát triển kỹ năng sinh viên. Giảng viên và quản lý nhà trường cần khuyến khích cán bộ công nghiệp dùng thời gian nghỉ phép hỗ trợ giảng dạy, cho họ vị trí trợ lý nghiên cứu thực tập để truyền tải kinh nghiệm công nghiệp cho sinh viên.

Kết quả giả thuyết 2 cho thấy không có khác biệt đáng kể trong xếp hạng trung bình của giảng viên và nhân sự công nghiệp về chiến lược nhà trường cải thiện quan hệ đối tác phát triển kỹ năng sinh viên TVET đáp ứng nhu cầu địa phương. Phát hiện mô tả rằng giảng viên và nhân sự công nghiệp cùng chia sẻ ý kiến về chiến lược nhà trường cải tiến phát triển kỹ năng sinh viên. Quan điểm đồng thuận này được dùng để tạo ra sức mạnh tổng hợp và tin cậy giữa giảng viên và nhân sự công nghiệp để đạt được phát triển kỹ năng chất lượng trong chương trình TVET ở Anambra.

Kết luận: Nhu cầu hợp tác phát triển kỹ năng chất lượng cho sinh viên TVET đang trở nên ngày càng lớn do đổi mới công nghệ, phát triển nhân lực và tình trạng bất ổn kinh tế hiện nay. Lợi ích cốt lõi của đối tác SI trong TVET là tạo thuận lợi và thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới và tích lũy kỹ năng. Các bên liên quan TVET chưa thể hiện cam kết đầy đủ về đối tác này để đạt được mục tiêu TVET ở Nigeria; do vậy, công trình này gợi ra các chiến lược của công nghiệp và nhà trường để phát triển kỹ năng chất lượng trong TVET. Việc thực hiện các kết quả nghiên cứu sẽ thúc đẩy hợp tác và đạt sức mạnh tổng hợp thích đáng giữa công nghiệp và nhà trường nhằm phát triển kỹ năng phù hợp nhu cầu xã hội. Cơ sở đào tạo có nhiều vai trò hơn trong việc đảm bảo rằng việc giao tiếp hiệu quả được duy trì theo các kết quả nghiên cứu.

Các khuyến nghị: 1) Công nghiệp cần hiểu rõ sự thích hợp đối tác với nhà trường và bộc lộ các ngành nghề để đạt được phát triển kỹ năng chất lượng; 2) Các trường cung cấp TVET cần đảm bảo giao tiếp tốt với công nghiệp về các lĩnh vực liên quan; 3) Công nghiệp nên thiết lập các chương trình phát triển kỹ năng sinh viên; và 4) Cán bộ công nghiệp nên hợp tác với nhà trường trong giảng dạy, đặc biệt là các lĩnh vực thực tiễn □

Tài liệu tham khảo

[1]. Mbah, Chidoze O. et al - A paper "Improving TVET Quality for Matching Skills Demand and Supply", presented at the 2nd Annual National Conference of Centre for Technical and Vocational Education, Training and Research (CETVETAR). University of Nigeria, Nsukka. (20th – 23rd June, 2018);

[2]. Act on National Workforce Solution Advisory Board (2017). Understanding and solving the skills gap. Retrieved from <https://www.act.org.understanding+and+solving+skill+gap>.

[3]. Mbah, C.O. & Umurhurhu, E. B. (2016). Improving teaching learning of computer aided drafting & designing (CADD) for effective skill development in Nigerian tertiary institution. *International Technology Research Journal (INTERJ)*4(1),24-29;

[4]. Olabiyi, O.S. Aiyelabowo, O.P. & Leshinso, O.T. (2013). Relevance of Instruction (CAI) for effective skill development among students in Nigeria. *Journal of Education and Practice* 4(21);

[5]. UNESCO (2001). Revised recommendation concerning technical and vocational education and training. Paris; UNESCO Press 1-17;

[6]. Mbah, C.O. (2012). Technical competencies needed by mechanical students in technical colleges for employment in Enugu State. Unpublished B.Sc. Project Report, Department of Technology and Vocational Education, ESUT;

[7]. Onoh, B.C.E.C. (2011). *Fundamental of Entrepreneurship Studies*, Enugu state,

[8]. Okoye, K. R. E. & Okwelle, P.C. (2013). Technical and Vocational Education (TVET) in Nigeria and energy development, marketing and national *Journal of Education and Practice* 4(14), 134-138;

[9]. Mbah, C.O. & Elobuiké, H.U. (2016). Achieving quality assurance in informal automobile apprenticeship training system for sustainable self-employment of trainees in Enugu metropolis. *Journal of Research in Science & Tech. Edu.*

[10]. Rossi, F. (2010). The governance of university-industry knowledge transfer. *Journal of Innovation Management* 13(2) .

[11]. Okorie, J.U. (2001). *Vocational Industry Education*; Nigeria League of Research. Engunu LRNH Publishers;

[12]. Alio, A. N. (2008). *Fundamentals of Educational Research*. Enugu. Samireen Nigeria Ltd.

[13]. Nworgu, B.G.(2015). Educational Research;Basic issues & methodology. Nsukka; University Trust Publishers;

[14]. Uzoagulu, A.E. (2011). Practical Guide to Writing Research Project in TertiaryInstitution. Enugu. Cheston Ltd.

* *Mai Van Tinh* -